

Chi tiết mã HS 7105.10.00

Mã HS	7105.10.00
Mô tả hàng hóa	Bụi và bột của đá quý hoặc đá bán quý tự nhiên hoặc tổng hợp / - Cửa kim cương
Đơn vị	carat
Thời điểm tạo	01/11/2026 11:46:13
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 - BIEU THUẾ XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/71051000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	1.5	1,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10681
Thuế NK ưu đãi (MFN)	1	1%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10681
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10681
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	2	2%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ10681
Thuế XK ưu đãi CPTPP	3	3%	115/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CM10681
Thuế XK ưu đãi EVFTA	3	3%	116/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CP10681
Thuế XK ưu đãi UKVFTA	3	3%	117/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CS10681

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0.6	0,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E10132
ATIGA	2022	2022	0	AT!E10083
ATIGA	2023	2023	0	AT!F10083
ATIGA	2024	2024	0	AT!G10083
ATIGA	2025	2025	0	AT!H10083
ATIGA	2026	2026	0	AT!I10083
ATIGA	2027	2027	0	AT!J10083
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E10135
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F10135

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G10135
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H10135
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I10135
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J10135
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E10136
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F10136
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G10136
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H10136
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I10136
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J10136
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F10137
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H10089
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F10095
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G10095
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H10095
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I10095
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J10095
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K10095
VKFTA	2022	2022	0	VK!E10120
VKFTA	2023	2023	0	VK!F10120
VKFTA	2024	2024	0	VK!G10120
VKFTA	2025	2025	0	VK!H10120
VKFTA	2026	2026	0	VK!I10120
VKFTA	2027	2027	0	VK!J10120
VCFTA	2022	2022	1	VC!D10173
VCFTA	2023	2023	1	VC!E10173

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F10173
VCFTA	2025	2025	0	VC!G10173
VCFTA	2026	2026	0	VC!H10173
VCFTA	2027	2027	0	VC!I10173
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D10158
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E10158
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F10158
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G10158
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H10158
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I10158
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D10158
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E10158
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F10158
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G10158
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H10158
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I10158
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D10175
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E10175
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F10175
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G10175
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H10175
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I10175
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D10174
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E10174
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F10174
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G10174

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H10174
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I10174
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D10115
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E10115
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F10115
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G10115
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H10115
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I10115
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J10115
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D10152
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E10152
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F10152
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G10152
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H10152
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I10152
RCEP B	2022	2022	0	B!D10152
RCEP B	2023	2023	0	B!E10152
RCEP B	2024	2024	0	B!F10152
RCEP B	2025	2025	0	B!G10152
RCEP B	2026	2026	0	B!H10152
RCEP B	2027	2027	0	B!I10152
RCEP C	2022	2022	0	C!D10152
RCEP C	2023	2023	0	C!E10152
RCEP C	2024	2024	0	C!F10152
RCEP C	2025	2025	0	C!G10152
RCEP C	2026	2026	0	C!H10152

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I10152
RCEP D	2022	2022	0	D!D10151
RCEP D	2023	2023	0	D!E10151
RCEP D	2024	2024	0	D!F10151
RCEP D	2025	2025	0	D!G10151
RCEP D	2026	2026	0	D!H10151
RCEP D	2027	2027	0	D!I10151
RCEP E	2022	2022	0	E!D10155
RCEP E	2023	2023	0	E!E10155
RCEP E	2024	2024	0	E!F10155
RCEP E	2025	2025	0	E!G10155
RCEP E	2026	2026	0	E!H10155
RCEP E	2027	2027	0	E!I10155
RCEP F	2022	2022	0	F!D10152
RCEP F	2023	2023	0	F!E10152
RCEP F	2024	2024	0	F!F10152
RCEP F	2025	2025	0	F!G10152
RCEP F	2026	2026	0	F!H10152
RCEP F	2027	2027	0	F!I10152
VIFTA	2024	2024	0.9	VII!F9389
VIFTA	2025	2025	0.7	VII!G9389
VIFTA	2026	2026	0.6	VII!H9389
VIFTA	2027	2027	0.4	VII!I9389

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)		181/2025/NĐ-CP	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7105.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 1% của mã 7105.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10681), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.